HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
(ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Việt: Quản lý Báo chí - Truyền thông (định hướng ứng dụng)

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh: Master of Arts in Journalism and Communication Management (Application-Oriented Program)

Đơn vị cấp bằng : Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Đơn vị quản lý : Viện Báo chí - Truyền thông

Hà Nội, năm 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

-----ଓ೨-----

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
(ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Việt: Quản lý Báo chí Truyền thông định hướng ứng dụng

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh: Master of Journalism and Communication Management - Application Orientation

Đơn vị cấp bằng : Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Đơn vị quản lý : Viện Báo chí truyền thông

Hà Nội, năm 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
*
Số 1185-QĐ/HVBCTT-ĐT

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
v/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Báo chí học, chuyên ngành Quản lý báo chí truyền thông

---

Căn cứ Quyết định số 9019-QĐ/HVCTQG ngày 29/4/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ-TTg ngày 22/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành theo Quyết định số 746-QĐ/HVBCTT ngày 09/02/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 172-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 16.01.2015 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành chương trình khung đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ ngành Báo chí học, chuyên ngành Quản lý báo chí - truyền thông;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định khung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Báo chí học, chuyên ngành Quản lý báo chí truyền thông;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý Đào tạo và Viện trưởng Viện Báo chí - Truyền thông,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ định hướng ứng dụng ngành Báo chí học, chuyên ngành Quản lý báo chí truyền thông *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Chương trình được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm học 2024 - 2025.

Điều 3. Trưởng ban Quản lý Đào tạo, Viện trưởng Viện Báo chí - Truyền thông và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Học viện CTQG HCM,
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Hội đồng trường,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

Phạm Minh Sơn

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
***

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

(Ban hành theo Quyết định số 185/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 26/2/2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình bằng tiếng Việt: ***Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu ngành Báo chí học, chuyên ngành Quản lý Báo chí - Truyền thông.***

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh: ***Master of Arts in Journalism and Communication Management (Application-Oriented Program)***

Mã số: ***8320101***

Đơn vị cấp bằng: ***Học viện Báo chí và Tuyên truyền***

Trình độ đào tạo: ***Thạc sĩ***

Tên CTĐT: Quản lý Báo chí - Truyền thông

Hình thức đào tạo: Chính quy không tập trung

Số tín chỉ toàn khóa: 60 tín chỉ

Đơn vị quản lý: Viện Báo chí - Truyền thông

Website: daotaoajc.edu.vn

Ngày ban hành: …

2. Chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Quản lý Báo chí - truyền thông cung cấp nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ cho công tác chỉ đạo, quản lý báo chí - truyền thông. Học viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các chức trách công việc trong các cơ quan, tổ chức liên quan đến lĩnh vực chỉ đạo, quản lý báo chí - truyền thông, và công tác tư tưởng - văn hóa trong hệ thống chính trị, trong các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ Báo chí học, chuyên ngành Quản lý báo chí - truyền thông hiểu biết về quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước và cơ sở pháp lý trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý báo chí - truyền thông; có kiến thức chuyên sâu về truyền thông đại chúng - báo chí học và khoa học quản lý báo chí - truyền thông; nắm vững cơ sở lý luận - thực tiễn của hoạt động quản lý báo chí - truyền thông ở Việt Nam và trên thế giới.

- Kỹ năng:

+ Trên cơ sở kiến thức nền tảng, chuyên sâu cũng như nắm vững quan điểm của Đảng và pháp luật Nhà nước về lĩnh vực báo chí - truyền thông, người học được trang bị những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý Nhà nước về báo chí – truyền thông; kỹ năng tổ chức, quản lý cơ sở báo chí – truyền thông (như tổ chức, quản lý cơ quan báo chí và các cơ sở truyền thông);

+ Hình thành và được rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, đánh giá và dự đoán, dự báo, ứng dụng trong quản lý báo chí - truyền thông và giảng dạy, nghiên cứu báo chí - truyền thông;

+ Có kỹ năng tham mưu, tư vấn đáp ứng các yêu cầu chỉ đạo, quản lý báo chí - truyền thông cho các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo báo chí – truyền thông, các cơ quan báo chí và các cơ sở truyền thông.

+ Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, dự báo và phán đoán cũng như kỹ năng quản lý và xử lý khủng hoảng báo chí - truyền thông:;

+ Có kỹ năng thuyết trình và thiết kế văn bản, kỹ năng tổ chức sự kiện và thiết lập, củng cố, phát triển các quan hệ công việc.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Trên cơ sở được trang bị kiến thức cơ bản, hệ thống và nâng cao về báo chí - truyền thông và vai trò của nó trong đời sống xã hội, người học có được thái độ đúng đắn và ý thức tự giác về nghề nghiệp, có bản lĩnh chính trị vững vàng; có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; thái độ nghiêm túc, phong cách cầu thị, khoa học và chuẩn mực trong hoạt động quản lý báo chí - truyền thông.

3. Căn cứ xây dựng chương trình

3.1. Căn cứ thực tiễn

3.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

- Các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Báo chí học hiện hành của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Chương trình đào tạo quốc tế:

- Chương trình thạc sĩ Quản trị Truyền thông (ĐH ESCP Business School, Pari, Pháp) (Ban hành năm 2022);

- Chương trình thạc sĩ Quản trị Truyền thông (ĐH Arcada, Helsinki, Phần Lan) (Ban hành năm 2022);

- Chương trình thạc sĩ Quản trị Truyền thông (ĐH Winchester, Anh) (Ban hành năm 2021);

3.1.2. Kết quả khảo sát

** Khảo sát nhu cầu xã hội*

Căn cứ vào kết quả khảo sát các bên liên quan, bao gồm khảo sát học sinh, giáo viên các trường trung học phổ thông, nhà tuyển dụng, chuyên gia.

Viện Báo chí – Truyền thông đã tiến hành khảo sát nhu cầu nhân lực báo chí vào tháng 5/2023. Đối tượng khảo sát: Phóng viên, lãnh đạo các cơ quan báo chí, công ty truyền thông, giảng viên các trường/trung tâm đào tạo báo chí. Số lượng: 32 người, hình thức khảo sát: Hội thảo/tọa đàm/phỏng vấn.

100% người được khảo sát đều cho biết cơ quan có nhu cầu tuyển dụng nhân lực chuyên ngành quản lý báo chí truyền thông hàng năm. Các công ty truyền thông cũng cần số lượng lớn nhân lực quản lý báo chí (tuyển trên 6 người mỗi năm).

** Khảo sát chất lượng đào tạo*

Căn cứ vào kết quả khảo sát đối tượng học viên tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

3.2 Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH 14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội ban hành;

Luật giáo dục đại học số 42/VBHN-VPQH của Quốc hội ban hành ngày 10/12/2018;

Quyết định số 9019/QĐ-HVCTQG ngày 29/04/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 746/QĐ-HVBCTT ngày 09/02/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Thi tuyển và xét tuyển: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành

4.1. Môn thi tuyển sinh

+ Môn chủ chốt: Triết học Mác-Lênin

+ Môn chuyên ngành: Chuyên ngành

+ Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Miễn thi môn tiếng Anh đối với các thí sinh thuộc một trong các đối tượng sau:

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trên lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có bằng đại học tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Báo chí và Tuyên truyền cấp mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam mà thời gian không quá 2 năm kể từ ngày ký.

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Quy định dưới đây hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/văn bằng	Trình độ/thang điểm	
			Tương đương bậc 3	Tương đương bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399	Nghe: 400-489

			Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL International Certificate (Aptis ESOL)	110 - 125	126 - 164
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện sẽ thẩm định chứng chỉ hoặc thành lập Hội đồng kiểm tra năng lực ngoại ngữ của các thí sinh đã có chứng chỉ, kết quả kiểm tra sẽ được sử dụng làm kết quả chính thức để xét miễn thi đầu vào, đầu ra về ngoại ngữ tại Học viện hoặc hủy kết quả thi, xét đầu vào nếu phát hiện sai phạm.

- Thí sinh không thuộc diện miễn thi môn Ngoại ngữ phải thi môn tiếng Anh đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

4.2. Đối tượng tuyển sinh

Là công dân Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau

4.2.1. Về văn bằng

+ Có bằng đại học ngành đúng với ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

+ Có bằng tốt nghiệp ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và có giấy chứng nhận hoàn thành các môn học bổ sung kiến thức do Học viện Báo chí và Tuyên truyền cấp.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ nước ngoài phù hợp với ngành dự tuyển (phải có xác nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4.2.2. Điều kiện về thâm niên công tác

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng: Được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học nếu xếp loại tốt nghiệp từ khá trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp xếp loại khác, phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

Người có bằng đại học ngành phù hợp nhóm 1, nhóm 2: Phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự thi kể từ ngày có Quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp thuộc nhóm 3: Phải có ít nhất 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

4.2.3. Điều kiện về sức khỏe: Đủ sức khỏe để học tập (có giấy chứng nhận sức khỏe của bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên)

4.3. Danh mục các ngành đúng, phù hợp

+ Ngành đúng: Báo chí

+ Ngành phù hợp 1: Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng

+ Ngành phù hợp 2: Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm, Quản trị truyền thông; Quản lý truyền thông; Quản lý hệ thống thông tin; Truyền thông số; Quảng cáo; Thông tin đối ngoại; Thiết kế truyền thông; Truyền thông marketing; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Nhiếp ảnh; Công nghệ điện ảnh và truyền hình

+ Ngành phù hợp 3: Ngôn ngữ học; Hán Nôm; Văn học; Văn hoá học; Quản lý văn hoá; Kinh doanh xuất bản phẩm; Lý luận văn học; Văn học Việt Nam; Ngôn ngữ Việt Nam; Các ngành thuộc nhóm Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Kinh tế học; Kinh tế chính trị; Kinh tế phát triển; Kinh tế đầu tư; Kinh tế quốc tế; Quản lý kinh tế; Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước; Hồ Chí Minh học; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Công tác xã hội; Việt Nam học; Thông tin học; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật viễn thông; Điện tử viễn thông, Công nghệ điện tử viễn thông, Thương mại điện tử; Quản trị kinh doanh; Quản lý công; Quản lý nhà nước; Quản trị nhân lực; Thiết kế âm thanh, ánh sáng; Thiết kế mỹ thuật sân khấu điện ảnh; Thiết kế đồ họa; Đồ họa; Marketing; Thông tin cổ động; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Tình báo an ninh; Kế toán; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Luật; Luật kinh tế; Quản trị khách sạn; Kỹ thuật xét nghiệm Y học; Tài chính-ngân hàng; Phật học; Đông phương học; Công nghệ sinh học; Kinh tế phát triển; Kinh tế đầu tư; Công nghệ kỹ thuật

hóa học; Các ngành thuộc nhóm ngành khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; các ngành nhóm An ninh, Quốc phòng, Công nghệ đa phương tiện, Chính trị học, Hành chính học.

4.4. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức

Học phần	Đối tượng	Số tín chỉ
1. Cơ sở lý luận báo chí (3 tín chỉ)	Phù hợp 1	9
2. Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông (3 tín chỉ)		
3. Lao động nhà báo (3 tín chỉ)		
1. Cơ sở lý luận báo chí	Phù hợp 2	15
2. Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông (3 tín chỉ)		
3. Lao động nhà báo (3 tín chỉ)		
4. Tác phẩm báo chí thông tấn (3 tín chỉ)		
5. Lý thuyết và kỹ năng báo chí truyền thông dữ liệu (3 tín chỉ)		
1. Lý thuyết truyền thông (3 tín chỉ)	Phù hợp 3	21
2. Cơ sở lý luận báo chí		
3. Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông (3 tín chỉ)		
4. Lao động nhà báo (3 tín chỉ)		
5. Tác phẩm báo chí thông tấn (3 tín chỉ)		
6. Lý thuyết và kỹ năng báo chí - truyền thông dữ liệu (3 tín chỉ)		
7. Ảnh báo chí (3 tín chỉ)		

5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

5.1. Kiến thức

Kiến thức đại cương

PLO1. Vận dụng được các tri thức về khoa học chính trị, khoa học liên ngành (chính trị học, văn hóa học, đạo đức học, xã hội học…); về thế giới trong quá khứ và hiện đại, về văn hóa, con người Việt Nam trong quá trình nhận thức và tiến hành hoạt động báo chí - truyền thông trong thực tiễn.

PLO2. Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, phương pháp xã hội học để điều tra, khảo sát, phân loại và lựa chọn các biện pháp tác động đến đối tượng của hoạt động báo chí - truyền thông và quản lý hoạt động báo chí - truyền thông.

Kiến thức cơ sở ngành

PLO3. Phân tích được vấn đề trong lý luận và thực tiễn báo chí - truyền thông, bao gồm: các lý thuyết, mô hình truyền thông, quản trị truyền thông, lịch sử, văn hóa, tâm lý báo chí, công chúng báo chí - truyền thông, pháp luật và đạo đức báo chí báo chí - truyền thông, các loại hình truyền thông đại chúng, ngôn ngữ báo chí truyền thông…

Kiến thức ngành

PLO4. Phân biệt được các loại hình báo chí; xác định được chức năng và đặc điểm của các thể loại báo chí; phân tích được quy trình và phương pháp sáng tạo tác phẩm cho từng thể loại. Phân tích được bản chất, tính mục đích của hoạt động báo chí, các nguyên tắc hành nghề và các chức năng cơ bản của báo chí; trình bày được quy trình lao động tác nghiệp và những vấn đề cơ bản về nghề nghiệp…

Kiến thức chuyên ngành

PLO5. Phân tích được cơ sở lý luận - thực tiễn của hoạt động quản lý báo chí – truyền thông ở Việt Nam và trên thế giới. Vận dụng được quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước và cơ sở pháp lý trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý báo chí – truyền thông.

Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về truyền thông đại chúng - báo chí học và khoa học quản lý báo chí - truyền thông trong thực tiễn.

5.2. Kỹ năng

Kỹ năng chung

PLO6. Có kỹ năng phân tích có phản biện thông tin và dữ liệu: khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận; kỹ năng giải quyết vấn đề sáng tạo: khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề; thành thục phương pháp tư duy tổng hợp, tư duy logic trong sử dụng thông tin, trình bày thông tin dưới dạng nói và viết một cách khoa học, sáng tạo.

Kỹ năng chuyên biệt cho ngành Báo chí học - chuyên ngành Quản lý Báo chí – truyền thông

PLO7. Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá và dự đoán, dự báo, ứng dụng trong quản lý, giảng dạy và nghiên cứu báo chí – truyền thông.

PLO8. Có năng lực tham mưu, tư vấn đáp ứng các yêu cầu chỉ đạo, quản lý cho các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan báo chí, các cơ sở truyền thông.

5.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO9. Có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành báo chí-truyền thông.

PLO10. Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm; năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý báo chí - truyền thông.

5.4. Trình độ Ngoại ngữ

Thực hiện theo Quy định về chuẩn đầu ra trình độ Ngoại ngữ, Tin học đối với các hệ, các trình độ đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Ban hành kèm theo Quyết định số 617-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 13/01/2023 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền).

Trình độ Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia

PLOs / Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Kiến thức	x	x	x	x	x					
Kỹ năng						x	x	x		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm									x	x

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy định đào tạo thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

7.1. Tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ

Thời gian và kế hoạch đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

7.2. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp được thực hiện theo quy định hiện hành.

8. Nội dung chương trình

8.1. Các khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ
A. Khối kiến thức chung	**14**
A1. Khoa học Mác - Lênin	4
A2. Khoa học xã hội và nhân văn	4
A3. Nghiên cứu thực tế 1,2	6
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**46**
B1. Kiến thức cơ sở ngành	16
Bắt buộc	*12*
Tự chọn	*4/6*
B2. Kiến thức ngành (chuyên ngành)	15
Bắt buộc	*12*
Tự chọn	*3/6*
B3. Luận văn ứng dụng/đề án/sản phẩm tốt nghiệp	***15***
Tổng	**60**

8.2. Nội dung chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức chung			**14**										
1	CHTM01001	Triết học	4,0	3,5	0,25	0,25	52,5	0	2,5	0	5	11,25	
2	CHTG01002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2,0	1,5	0,25	0,25	22,5	0	2,5	0	5	11,25	
3	CHCT01003	Chính trị học nâng cao	2,0	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5	0	5	11,25	
4	CHPT01001	Nghiên cứu thực tế 1	3,0	0,5	2,0	0,5	2,5	5	0	0	60	22,5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
5	CHPT01002	Nghiên cứu thực tế 2	3,0	0,5	2,0	0,5	2,5	5	0	0	60	22,5	CHPT01001
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
B1. Khối kiến thức cơ sở ngành			**16**										
Cơ sở ngành bắt buộc			***12***										
6	CHBC02011	Lãnh đạo, quản lý Nhà nước về báo chí - truyền thông đại chúng	2,0	1,5	0,25	0,25	15	7,5	0	0	7,5	11,25	CHTM01001

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
7	CHBC02012	Lý luận và thực tiễn báo chí truyền thông đương đại	2,0	1,5	0,25	0,25	15	7,5	0	0	7,5	11,25	
8	CHBC02013	Kinh tế báo chí - truyền thông	2,0	1,5	0,25	0,25	15	7,5	0	0	7,5	11,25	CHBC02011
9	CHPT02014	Luật pháp và đạo đức trong thực tiễn báo chí - truyền	2,0	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	CHBC02012

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		thông											
10	CHPT02015	An ninh truyền thông	2,0	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	
11	CHPT02016	Ngôn ngữ báo chí	2,0	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	
Cơ sở ngành tự chọn			***4***/8										
12	CHBC02020	Phân tích lao động báo chí - truyền thông	2,0	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	CHBC2011,CHBC02012, CHBC02013, CHBC0

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
													2014
13	CHPT02021	Phân tích sản phẩm báo chí - truyền thông	2,0	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	CHPT02016
14	CHBC03072	Báo chí - truyền thông đa phương tiện	2,0	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	CHBC02012, CHPT02016
15	CHBC03039	Quản lý cơ quan báo chí và cơ sở truyền thông	2,0	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
B2. Khối kiến thức ngành (chuyên ngành)			**15**										
Ngành (chuyên ngành) bắt buộc			***12***										
16	CHBC03073	Tổ chức sản phẩm báo chí - truyền thông	3	2,0	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	CHBC02011, CHPT02014
17	CHBC03068	Quản trị khủng hoảng báo chí - truyền thông	3	2,0	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	CHBC02011, CHPT02014
18	CHPT03065	Truyền	3	2,0	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		thông và quản trị thương hiệu báo chí - truyền thông											
19	CHPT03078	Thiết kế và quản lý dự án truyền thông	3	2,0	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	
Ngành (chuyên ngành) tự chọn			***3***										
Định hướng ứng dụng			***3/9***										
20	CHPT03066	Tâm lý lãnh đạo, quản lý	3	2,0	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	CHPT02022

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		báo chí - truyền thông											
21	CHBC03075	Báo chí – truyền thông với văn hóa nghệ thuật	3	2,0	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	CHPT03049
22	CHBC03076	Công nghệ truyền thông số	3	2,0	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	
B3. Luận văn/sản phẩm tốt nghiệp			**15**										
23	CHBC03077	Luận văn ứng dụng	15										Các HP thuộc khối

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
													kiến thức CN
Tổng			**60**										

9. Ma trận liên kết giữa các học phần với CĐR của CTĐT

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**
1	Triết học	H5	M4	L1					M2	H5	M4
2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	H4	M3	H5							L1
3	Chính trị học nâng cao	H5	H4					L2	L2	L2	L2
4	Nghiên cứu thực tế 1	M3	M3	M3	H4	H4	H4	H5	H5	H5	H5

5	Nghiên cứu thực tế 2	M3	M3	M3	H4	H4	H4	H5	H5	H5	H5
6	Lãnh đạo, quản lý Nhà nước về báo chí – truyền thông đại chúng	L2	L2	L2	L1	H5	H5	H5	H5	H4	H4
7	Lý luận và thực tiễn báo chí truyền thông đương đại	L1	L2	L1	L1	H5	H5	H5	H5	L3	L2
8	Kinh tế báo chí – truyền thông		M4		M3	M4	H5	H5	M3	M2	
9	Luật pháp và đạo đức trong thực tiễn báo chí – truyền thông		M4		M3	M3	H4	H4	M3	L2	L1
10	An ninh truyền thông	M3	M3	L1	L1	H4	H4	H5	M3	L1	L1
11	Ngôn ngữ báo chí				H4	H5	H4	L1	L1		L1
12	Phân tích lao động báo chí - truyền thông		L2	M3	M4	H5	H5	H5	L2	L3	M2
13	Phân tích sản phẩm báo chí - truyền thông		M2	M2	M3	L1	H5	H5	H5	H5	H5
14	Báo chí - truyền thông đa phương tiện		M3		L2	H4	H5	H5	H5	H5	L1
15	Quản lý cơ quan báo chí và cơ sở truyền thông		M3	M3	L1	H5	H5	H5	H5	H4	
16	Tổ chức sản phẩm báo chí - truyền thông		M3		M2	H4	H5	H5	M3	L2	L1
17	Quản trị khủng hoảng báo chí - truyền	L2	L2	L2	L1	H5	H5	H5	H5	H4	L1

	thông										
18	Truyền thông và quản trị thương hiệu báo chí - truyền thông		M3	M3	M3	H4	H5	H5	H5	L2	L2
19	Thiết kế và quản lý dự án truyền thông		M3	M3	L2	H4	H5	H5	H5	M3	M3
20	Tâm lý lãnh đạo, quản lý báo chí - truyền thông		M3	H5	L2		M3	M3	L2		L1
21	Báo chí – truyền thông với văn hóa nghệ thuật	L2	L2	M3	M3	H5	H5	H5	H5	H4	
22	Công nghệ truyền thông số		M3	H5	L2	H4	M3	M3	L2		H5
23	Luận văn ứng dụng	M4	M4	H5	H5	M4	M4	M4	L5	L5	L5

Lưu ý:

CĐR kiến thức: L1, L2; M3, M4; H5, H6

CĐR kỹ năng: L1, L2; M3; H4, H5

CĐR mức độ tự chủ và trách nhiệm: L1, L2; M3; H4, H5

Trong đó: L là mức thấp; M là mức trung bình; H là mức cao

10. Kế hoạch giảng dạy *(dự kiến)*

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ			
			1	2	3	4
1	CHTM01001	Triết học	x			
2	CHTG01002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ			
			1	2	3	4
3	CHCT01003	Chính trị học nâng cao	x			
4	CHPT01001	Nghiên cứu thực tế 1	x			
5	CHPT01002	Nghiên cứu thực tế 2	x			
6	CHBC02023	Lãnh đạo, quản lý Nhà nước về báo chí – truyền thông đại chúng		x		
7	CHBC02012	Lý luận và thực tiễn báo chí truyền thông đương đại		x		
8	CHBC02013	Kinh tế báo chí - truyền thông		x		
9	CHPT02014	Luật pháp và đạo đức trong thực tiễn báo chí - truyền thông		x		
10	CHPT02015	An ninh truyền thông		x		
11	CHPT03081	Ngôn ngữ báo chí		x		
12	CHBC02020	Phân tích lao động báo chí - truyền thông			x	
13	CHPT02021	Phân tích sản phẩm báo chí - truyền thông			x	
14	CHBC03072	Báo chí - truyền thông đa phương tiện			x	
15	CHBC03039	Quản lý cơ quan báo chí và cơ sở truyền thông			x	
16	CHBC03073	Tổ chức sản phẩm báo chí - truyền thông			x	
17	CHBC03068	Quản trị khủng hoảng báo chí - truyền thông			x	
18	CHBC03065	Truyền thông và quản trị thương hiệu báo chí - truyền thông			x	
19	CHBC03078	Thiết kế và quản lý dự án truyền thông			x	
20	CHPT03066	Tâm lý lãnh đạo, quản lý báo chí - truyền thông			x	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ			
			1	2	3	4
21	CHBC03075	Báo chí – truyền thông với văn hóa nghệ thuật			x	
22	CHBC02025	Công nghệ truyền thông số			x	
23	CHBC03077	Luận văn ứng dụng				x

11. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo.

Ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Giảng lý thuyết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x		x	
3	Nghiên cứu trường hợp	x	x	x		x	x	x	x	x	
4	Dạy học thông qua vấn đề	x	x		x	x			x		
5	Dạy học thông qua làm dự án			x		x		x	x	x	
6	Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đóng vai, mô phỏng					x	x			x	x
8	Làm thí nghiệm, bài tập thực hành				x	x				x	x
9	Nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập			x	x	x	x		x	x	

12. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x	x	x		x		x			
2	Làm việc nhóm			x		x	x	x	x	x	x	x	x		x
3	Quan sát		x			x	x	x	x	x	x	x	x		x
4	Trao đổi với GV	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Ghi nhớ chủ động	x	x	x	x	x	x	x						x	x
6	Đặt câu hỏi, phản biện	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x
7	Lập sơ đồ tư duy	x		x		x			x						x
8	Học qua dự án		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Học qua trải nghiệm/thực tế/thực hành				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

13. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá học phần (bao gồm điểm ý thức học tập, điểm tiểu luận, điểm thi kết thúc môn học) được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), nếu cho điểm lẻ thì đến 0,5 điểm. Điểm học phần là tổng các điểm đánh giá học phần đã nhân với trọng số của từng điểm đánh giá được quy định trong đề cương chi tiết môn học, lấy điểm một chữ số thập phân và không làm tròn. Học phần được coi

là đạt yêu cầu khi điểm trung bình học phần từ 5,5 trở lên (điểm C). Trọng số của điểm đánh giá bộ phận trong điểm học phần được tính như sau: Điểm kiểm tra ý thức học tập 0,10; Điểm tiểu luận 0,30; Điểm kết thúc học phần 0,60. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm chung bình chung tích lũy được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và được tính theo công thức trong Quy định tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 746/QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 09/02/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1	Triết học	x					x										
2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x					x										
3	Chính trị học nâng cao	x					x										
4	Nghiên cứu thực tế 1	x						x									
5	Nghiên cứu thực tế 2	x						x									

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
6	Lãnh đạo, quản lý Nhà nước về báo chí - truyền thông đại chúng	x					x								x		
7	Lý luận và thực tiễn báo chí truyền thông đương đại	x					x								x		
8	Kinh tế báo chí - truyền thông	x					x								x		
9	Luật pháp và đạo đức trong thực tiễn báo chí - truyền thông	x								x							
10	An ninh truyền	x								x							

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	thông																
11	Ngôn ngữ báo chí	x						x							x		
12	Phân tích lao động báo chí - truyền thông	x					x										
13	Phân tích sản phẩm báo chí - truyền thông	x					x										
14	Báo chí - truyền thông đa phương tiện	x					x										
15	Quản lý cơ quan báo chí và cơ sở truyền thông	x						x									
16	Tổ chức sản phẩm	x					x										

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
	báo chí - truyền thông																
17	Quản trị khủng hoảng báo chí - truyền thông	x					x										
18	Truyền thông và quản trị thương hiệu báo chí - truyền thông	x						x									
19	Thiết kế và quản lý dự án truyền thông	x						x									
20	Tâm lý lãnh đạo, quản lý báo chí - truyền thông	x					x										

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)							
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
21	Báo chí – truyền thông với văn hóa nghệ thuật	x						x									
22	Công nghệ truyền thông số	x					x										
23	Luận văn ứng dụng						x										

14. Điều kiện đội ngũ

- Số lượng giảng viên cơ hữu có học hàm Giáo sư, phó Giáo sư; giảng viên có học vị Tiến sĩ

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Nguyễn Thị Trường Giang	1978	Báo chí		x	x		
2	Đinh Thị Thu Hằng	1978	Báo chí		x	x		
3	Phạm Thị Thanh Tịnh	1977	Báo chí		x	x		

4	Trương Thị Kiên	1978	Báo chí		x	x		
5	Đinh Thị Xuân Hòa	1972	Báo chí			x		
6	Lê Thu Hà	1982	Báo chí			x		
7	Lê Thị Nhã	1966	Báo chí			x		
8	Vũ Huyền Nga	1975	Báo chí			x		
9	Trần Thị Vân Anh	1977	Báo chí			x		
10	Trần Thị Vân Anh (1979)	1979	Báo chí			x		
11	Nguyễn Thùy Vân Anh	1984	Báo chí			x		
12	Nguyễn Thị Tuyết Minh	1976	Báo chí			x		
13	Nguyễn Văn Trường	1974	Báo chí			x		
14	Nguyễn Thị Hằng Thu	1984	Báo chí			x		
15	Phạm Bình Dương	1985	Báo chí			x		

- Số lượng giảng viên thỉnh giảng là các Giáo sư, phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Giảng viên cao cấp

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Tạ Ngọc Tấn	1954	Báo chí	x		x		
2	Nguyễn Văn Dũng	1957	Báo chí		x	x		
3	Đỗ Thị Thu Hằng	1969	Báo chí		x	x		
4	Nguyễn Thành Lợi	1974	Báo chí		x	x		

5	Lê Thanh Bình	1955	Báo chí		x	x		
6	Hoàng Anh (nam)	1966	Ngôn ngữ học		x	x		
7	Đỗ Chí Nghĩa	1974	Báo chí học		x	x		
8	Trần Quang Diệu	1978	Công nghệ thông tin		x	x		
9	Nguyễn Đức Dũng	1958	Báo chí		x	x		
10	Bùi Chí Trung	1978	Báo chí		x	x		
11	Mai Quỳnh Nam	1952	Xã hội học		x	x		
12	Đồng Mạnh Hùng	1969	Báo chí			x		
13	Nguyễn Quang Hòa	1955	Báo chí			x		
14	Vũ Tuấn Anh	1981	Báo chí			x		
15	Đỗ Anh Đức	1980	Báo chí			x		
16	Đinh Văn Hường	1962	Báo chí		x	x		
17	Ngô Bích Ngọc	1985	Báo chí			x		
18	Vũ Văn Tiến	1982	Báo chí			x		
19	Phạm Thị Thu Huyền	1975	Báo chí			x		
20	Trần Thị Tri	1965	Báo chí học			x		
21	Lê Hải	1981	Báo chí			x		
22	Nguyễn Tri Thức	1975	Báo chí			x		
23	Vũ Thanh Vân	1983	Báo chí			x		

5	Lê Thanh Bình	1955	Báo chí		x	x		
6	Hoàng Anh (nam)	1966	Ngôn ngữ học		x	x		
7	Đỗ Chí Nghĩa	1974	Báo chí học		x	x		
8	Trần Quang Diệu	1978	Công nghệ thông tin		x	x		
9	Nguyễn Đức Dũng	1958	Báo chí		x	x		
10	Bùi Chí Trung	1978	Báo chí		x	x		
11	Mai Quỳnh Nam	1952	Xã hội học		x	x		
12	Đồng Mạnh Hùng	1969	Báo chí			x		
13	Nguyễn Quang Hòa	1955	Báo chí			x		
14	Vũ Tuấn Anh	1981	Báo chí			x		
15	Đỗ Anh Đức	1980	Báo chí			x		
16	Đinh Văn Hường	1962	Báo chí		x	x		
17	Ngô Bích Ngọc	1985	Báo chí			x		
18	Vũ Văn Tiến	1982	Báo chí			x		
19	Phạm Thị Thu Huyền	1975	Báo chí			x		
20	Trần Thị Tri	1965	Báo chí học			x		
21	Lê Hải	1981	Báo chí			x		
22	Nguyễn Tri Thức	1975	Báo chí			x		
23	Vũ Thanh Vân	1983	Báo chí			x		

24	Nguyễn Đăng Khang	1979	Báo chí học			x		
25	Nhạc Phan Linh	1981	Xã hội học			x		
26	Nguyễn Minh Tuấn	1986	Báo chí học			x		
27	Bùi Thị Vân	1987	Quan hệ quốc tế			x		
28	Nguyễn Việt Anh	1980	Báo chí học			x		
29	Nguyễn Minh Hải	1977	Báo chí học			x		
30	Vũ Văn Luật	1979	Tài chính - Ngân hàng			x		

15. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT

15.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	**Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu**	**251**	**18.024**
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805

2	**Thư viện, trung tâm học liệu**	**6**	**3.914**
3	**Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập**	**17**	**3.709**
4	**Nhà để xe**	**02**	**404**
5	**Nhà Y tế**	**02**	**120**
6	**Nhà ở KTX (phòng)**	**453**	**23.723**
7	**Khu thể thao**	**3**	**6.039**
8	**Khu dịch vụ**	**4**	**3.392**
9	**Phòng chờ GV**	**10**	**350**
10	**Khu WC**	**10**	**420**
	Tổng		**60.095**

15.2. Học liệu phục vụ học tập, giảng dạy

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.097 tài liệu, trong đó 1.996 tài liệu in, 1131 tài liệu số

2.	Khối ngành VII	36.251 tài liệu, trong đó: 27.132 tài liệu in; 9.119 tài liệu số

15.3. Thống kê giáo trình, bài giảng

TT	Phân loại	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo trình in sách	13 cuốn	Cập nhật đến tháng 12/2023
2	Giáo trình nội bộ	25 cuốn	
3	Sách chuyên khảo	16 cuốn	
4	Sách tham khảo	20 cuốn	
5	Đề cương bài giảng	2 cuốn	
6	Đề tài khoa học các cấp	2 cuốn	

16. Một số lưu ý về thực hiện chương trình

- Hướng dẫn về mốc thời gian bắt đầu thực hiện chương trình, các quy định chuyển tiếp.

- Sinh viên được học tích lũy trước 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ.

- Xác định các học phần tương đương với các học phần được điều chỉnh về nội dung, tên gọi, số tín chỉ hoặc các học phần thay thế cho học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình mới.

+ Học viên viên sử dụng môn học thay thế tương đương với các học phần tự chọn trong chương trình khung

+ Môn học cũ nhưng nay tăng số tín chỉ thì phải học môn học đó với số tín chỉ mới

+ Môn học được gộp với số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới thì phải học môn học thay thế trong chương trình khung

+ Đối với những học viên học lại, nếu không tổ chức được lớp cho những môn học bắt buộc trong chương trình cũ có thể học các học phần tương đương hoặc thay thế, cụ thể như sau:

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)			Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)		
	Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**
1	CHNN01004	Ngoại ngữ	6,0	CHBC03060	Nghiên cứu Thực tế 1	3,0
				CHBC03061	Nghiên cứu Thực tế 2	3,0
2	CHBC03031	Truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông	**3,0**	CHBC03065	Truyền thông và quản trị thương hiệu báo chí - truyền thông	3,0
3	CHBC03042	Tâm lý học trong hoạt động quản lý báo chí – truyền thông	**3,0**	CHBC03066	Tâm lý lãnh đạo, quản lý báo chí - truyền thông	3,0

4	CHPT02022	Truyền thông đa phương tiện	**2,0**	CHBC03072	Báo chí - truyền thông đa phương tiện	2,0

17. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT

Nội dung đối sánh	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú
Mục tiêu đào tạo	Chưa thể hiện rõ mục tiêu đào theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.	Làm rõ hơn mục tiêu đào tạo theo định hướng nghiên cứu/ứng dụng và điều chỉnh các mục tiêu cụ thể tương ứng với sự điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo.	
Chuẩn đầu ra	Chưa nêu cụ thể các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.	- Nêu cụ thể các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển. - Điều chỉnh Danh mục các môn học bổ sung kiến thức đối với các nhóm đối tượng: ngành phù hợp 1, ngành phù hợp 2, ngành phù hợp 3.	

Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia	Chưa có Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia.	Bổ sung Ma trận liên kết giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và Khung trình độ quốc gia.	
Tiêu chí tuyển sinh	Có	Có	
Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	Có	Có	
Nội dung chương trình	- Khối kiến thức bao gồm: (i) Phần kiến thức chung (14 tín chỉ); (ii) Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành (31 tín chỉ, trong đó kiến thức cơ sở ngành: 16 tín chỉ, kiến thức chuyên ngành: 15 tín chỉ); (iii) Luận văn: 15 tín chỉ. - Có học phần Ngoại ngữ - Chọn theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng tại khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. - Số lượng các học phần: 22 (bao gồm cả Luận văn). Số tín chỉ của mỗi học	- Khối kiến thức bao gồm: (i) Khối kiến thức chung (14 tín chỉ); (ii) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ sở ngành và ngành (chuyên ngành) (31 tín chỉ); (iii) Luận văn/sản phẩm tốt nghiệp (15 tín chỉ). - Không có học phần ngoại ngữ - Chọn theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng tại khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn và ngành (chuyên ngành) tự chọn. - Số lượng các học phần: 23 (bao gồm cả Luận văn). Hầu hết số tín chỉ của mỗi học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành là 2,0 (trừ các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn là	

	phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành là 3,0.	3,0 tín chỉ).	
Ma trận liên kết giữa các học phần với CĐR của CTĐT	Chưa có Ma trận liên kết giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	Bổ sung Ma trận liên kết giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	
Kế hoạch giảng dạy *(dự kiến)*	Có	Có, điều chỉnh phù hợp chương trình	
Phương pháp giảng dạy	Có	Bổ sung, điều chỉnh ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
Phương pháp học tập	Có	Bổ sung, điều chỉnh ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
Hình thức đánh giá	Có	Điều chỉnh phù hợp với các môn học mới	
Thống kê giáo trình, bài giảng	Có	Bổ sung, cập nhật một số tài liệu mới	
Hướng dẫn thực hiện chương trình	Có	Có, điều chỉnh theo yêu cầu của chương trình mới	
Điều kiện đội ngũ	Có	Bổ sung, cập nhật đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng	

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT	Có	Có, bổ sung dữ liệu	
Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT	Có	Bổ sung, cập nhật	

II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN (*kèm theo*)

GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO	VIỆN TRƯỞNG
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	TS. Trần Văn Thư	Đinh Thị Thu Hằng
PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Thị Trường Giang		